

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 13/6/2020
V/v: “T/C hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng;
2. Bà Phạm Thị Thu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái (Nay là số nhà 203, đường Đ, tổ 5, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái).

Người được nguyên đơn ủy quyền: Chị Bùi Thị Hồng H2, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Số nhà 209, đường Đ, tổ 5, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2019).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình
Chỗ ở hiện nay: Số nhà 06/44, ngõ 537, tổ 17, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị H2 có mặt, chị H1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng H2 trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị Đặng Thị H có cho chị Nguyễn Thị H1 vay tổng số tiền là 410.000.000 đồng, là tiền riêng của chị H, cụ thể số tiền vay theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay tiền số 01b/HĐVT ngày 10/4/2019 số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 16/10/2019.

- Hợp đồng vay tiền số 01A/HĐVT ngày 17/9/2019 số tiền vay là 80.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 16/10/2019.

- Hợp đồng vay tiền số 02/HĐVT ngày 03/10/2019 số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 13/10/2019.

- Hợp đồng vay tiền số 03/HĐVT ngày 11/10/2019 số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 16/10/2019.

Trong hợp đồng vay tiền hai bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng thỏa thuận miệng với nhau là 1,25%/tháng. Từ khi ký kết vay tiền tại 04 Hợp đồng trên cho đến nay chị H1 chưa thanh toán trả cho chị H được khoản tiền nào mặc dù chị H đã yêu cầu chị H1 thanh toán nhiều lần.

Tại phiên tòa chị H2 yêu cầu chị H1 phải thanh toán trả cho chị H toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay, tổng là 410.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất của số tiền gốc là 1,25%/tháng, kể từ ngày vay tại các hợp đồng cho đến ngày 13/6/2020. Chị H2 không đồng ý cho chị H1 khất nợ và yêu cầu chị H1 phải trả ngay một lần cả tiền gốc và tiền lãi cho chị H. Ngoài ra chị H2 không còn yêu cầu gì khác đối với chị H1.

* Tại đơn xin xác nhận đề ngày 27/4/2020 chị Đặng Thị H trình bày: Số tiền 410.000.000 đồng chị H cho chị H1 vay là tiền riêng của cá nhân chị H, chồng chị H là anh Trần Văn T không có ý kiến gì về số tiền này. Anh Trần Văn T trình bày: Nội dung đơn vợ anh T chị Đặng Thị H trình bày là đúng, anh T nhất trí và không có ý kiến gì.

* Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị H1 có vay tiền của chị H nhiều lần, tổng số tiền là 410.000.000 đồng, không thỏa thuận về thời hạn trả, có thỏa thuận về lãi suất nhưng không ghi vào hợp đồng, mục đích vay tiền để mua nhà và kinh doanh, cụ thể:

- Ngày 10/4/2019 số tiền vay là 30.000.000 đồng.

- Ngày 17/9/2019 số tiền vay là 80.000.000 đồng.

- Ngày 03/10/2019 số tiền vay là 200.000.000 đồng.

- Ngày 11/10/2019 số tiền vay là 100.000.000 đồng.

Nay chị Đặng Thị H yêu cầu chị H1 phải thanh toán trả cho chị H tổng số tiền vay là 410.000.000 đồng cùng lãi suất 1,25%/tháng thì quan điểm của chị H1 là khi nào bán được nhà hoặc chuyển nhượng được đất thì chị H1 sẽ có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ cả tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho chị Đặng Thị H.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/5/2020, anh Bùi Xuân T2 trình bày: Anh Bùi Xuân T2 là chồng của chị Nguyễn Thị H1, hiện anh Trường đang cư trú tại thôn P, xã V, thành phố Thái Bình. Đối với khoản vay 410.000.000 đồng mà chị H1 vay của chị Đặng Thị H, anh T2 không biết chị H1 vay tiền với mục đích gì, không chi tiêu sinh hoạt cũng như đầu tư làm ăn trong gia đình, do đó anh T2 xác định đây là

khoản vay nợ riêng của chị H1, không liên quan đến anh T2, chị H1 phải có trách nhiệm trả nợ riêng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về nội dung: Căn cứ các điều 117, 118, 119, 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc và một phần yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, cụ thể:

- Hợp đồng vay hai bên quy định lãi suất theo thỏa thuận. Xét thấy hợp đồng vay tiền giữa chị H1 với chị H hoàn toàn tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp quy định tại điều 463 bộ luật dân sự. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn quy định tại điều 470 Bộ luật dân sự. Đến thời hạn trả nợ, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy chị H khởi kiện yêu cầu chị H1 trả toàn bộ số tiền gốc đã vay là 410.000.000 đồng là có căn cứ.

- Về yêu cầu trả lãi: Xét thấy các hợp đồng vay tiền do hai bên ký kết thể hiện thỏa thuận “*Bên B đồng ý vay số tiền trên với lãi suất theo thỏa thuận tính từ ngày nhận tiền vay*”, như vậy Hợp đồng chỉ quy định việc vay có lãi suất, không quy định cụ thể mức lãi. Theo nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 1.25 % một tháng tính từ thời điểm vay nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, bị đơn cho rằng mặc dù hai bên thống nhất vay tiền có tính lãi nhưng không thỏa thuận khoản lãi cụ thể nên đề nghị được trả lãi theo quy định của pháp luật. Đây là trường hợp tranh chấp về lãi suất, do đó áp dụng mức lãi suất 10%/ năm theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận và không có yêu cầu gì khác, vì vậy khoản tiền lãi phải trả tính đến ngày xét xử = tiền vay x 10%/năm x thời gian vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/6/2020.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đặng Thị H được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt chị H2, vắng mặt chị H1.

*** Về nội dung vụ án:** Chị Bùi Thị Hồng H2 và chị Nguyễn Thị H1 đều thống nhất việc chị Đặng Thị H cho chị Nguyễn Thị H1 vay 04 lần bằng tổng số tiền là 410.000.000đồng. Chị H2 không đồng ý việc chị H1 khất nợ chị H nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của chị H1.

- Về tiền nợ gốc: Xét việc chị H yêu cầu chị H1 phải thanh toán trả chị H tổng số tiền nợ gốc là 410.000.000 đồng thì thấy: Tại các Hợp đồng vay tiền giữa chị H và chị H1, hai bên thỏa thuận vay và cho vay là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật. Đến nay chị H1 chưa trả cho chị H được khoản tiền nào. Yêu cầu này của chị H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tiền nợ lãi: Trong các Hợp đồng vay tiền có thỏa thuận về lãi suất nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu, tại phiên tòa chị H2 trình bày khi ký kết các Hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất là 1,25%/tháng nay đề nghị Tòa án giải quyết lãi suất bằng 1,25%/tháng kể từ ngày vay tại các hợp đồng cho đến ngày 13/6/2020. Chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết về lãi suất theo quy định của pháp luật.

Các đương sự tranh chấp với nhau về tiền lãi. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất như sau:

1. Hợp đồng vay tiền số 01b/HĐVT ngày 10/4/2019 số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 10/4/2019 đến ngày 13/6/2020 là 431 ngày:

$30.000.000\text{đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 431 \text{ ngày} = 3.542.465 \text{ đồng}.$

2. Hợp đồng vay tiền số 01A/HĐVT ngày 17/9/2019 số tiền vay là 80.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 17/9/2019 đến ngày 13/6/2020 là 271 ngày:

$80.000.000\text{đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 271 \text{ ngày} = 5.939.726 \text{ đồng}.$

3. Hợp đồng vay tiền số 02/HĐVT ngày 03/10/2019 số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 03/10/2019 đến ngày 13/6/2020 là 255 ngày:

$200.000.000\text{đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 255 \text{ ngày} = 13.972.602 \text{ đồng}.$

4. Hợp đồng vay tiền số 03/HĐVT ngày 11/10/2019 số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 11/10/2019 đến ngày 13/6/2020 là 247 ngày:

$100.000.000\text{đồng} \times 10\% : 365 \text{ ngày} \times 247 \text{ ngày} = 6.767.123 \text{ đồng}.$

Tổng tiền lãi: 30.221.916 đồng.

*** Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H được chấp nhận nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Nguyễn Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán trả chị Đặng Thị H tổng số tiền là 440.221.916 đồng, (*Bốn trăm bốn mươi triệu hai trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười sáu đồng*) trong đó: Nợ gốc: 410.000.000 đồng; nợ lãi: 30.221.916 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 21.609.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Đặng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.250.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0009681 ngày 06/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Chị Bùi Thị Hồng H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/6/2020. Chị Đặng Thị H, chị Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THA thành phố Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết

